

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 21 /2021/QĐST- HNGĐ

Tam Nông, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số:191/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa:
Nguyên đơn: **Chị Tạ Thị Thanh M**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: **Anh Phạm Quốc G**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân và G đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Tạ Thị Thanh M và anh Phạm Quốc G.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị M và anh G thống nhất thỏa thuận:

Go cả hai con chung chưa thành niên là cháu Phạm Thảo N, sinh ngày 27/11/2014 và cháu Phạm Ngọc Tường V, sinh ngày 28/12/2015 cho chị Tạ Thị Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d^{ưỡng}, giáo dục. Anh G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 01tháng, cả hai cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ 01 tháng. Kể từ tháng 4/2021 cho đến khi từng cháu trưởng thành lao động tự túc được.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung , về tài sản riêng; Về nợ và cho vay nợ; Về công sức đóng góp:
Chị M, anh G đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tạ Thị Thanh M tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0002913 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền